

**Phụ lục I**  
**ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ**  
**TỈNH BẠC LIÊU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-TTg  
Ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên đô thị	Phân loại đô thị		
		Hiện trạng năm 2020	Quy hoạch đến năm 2030	Tầm nhìn đến 2050
1	Thành phố Bạc Liêu	II	I	Thành phố Bạc Liêu (loại I)
2	Thị xã Giá Rai	IV	Thành phố Giá Rai (loại III)	Thành phố Giá Rai (loại II)
	Huyện Hòa Bình			
3	Thị trấn Hòa Bình	V	IV	IV
4	Cái Cùng (xã Vĩnh Thịnh)		V	V
5	Vĩnh Mỹ B		V	V
*	Vĩnh Bình			V
	Huyện Vĩnh Lợi			
6	Thị trấn Châu Hưng	V	IV	IV
7	Vĩnh Hưng		V	V
8	Hưng Thành		V	V
	Huyện Hồng Dân			
9	Thị trấn Ngan Dừa	V	IV	IV
10	Ninh Quới A		V	V
11	Ba Đình		V	V
*	Ninh Quới			V
*	Ninh Thạnh Lợi			V
	Huyện Phước Long			
12	Thị trấn Phước Long	V	IV	Thị xã Phước Long (loại III)
13	Phó Sinh (xã Phước Long)		V	
14	Chủ Chí (xã Phong Thạnh Tây B)		V	
	Huyện Đông Hải			
15	Thị trấn Gành Hào	V	IV	Thị xã Đông Hải (loại III)
16	Điền Hải		V	
17	Định Thành		V	

**Ghi chú:**

- Định hướng phân loại đô thị bảo đảm phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia.

- Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, nếu các đô thị đạt tiêu chí phân loại đô thị sớm hơn hoặc muộn hơn định hướng thì thực hiện thủ tục đánh giá, công nhận loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị theo quy định của pháp luật.

(\*) Các đô thị quy hoạch sau năm 2030.



**Phụ lục II**  
**DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP**  
**TỈNH BẠC LIÊU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-TTg  
ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên Khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Các khu công nghiệp thực hiện theo chỉ tiêu phân bổ đất tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 03 năm 2022</b>			
<b>I</b>	<b>Đang hoạt động</b>			
1	Khu công nghiệp Trà Kha	Thành phố Bạc Liêu	60 (thực tế)	Đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt
<b>II</b>	<b>Các khu công nghiệp thành lập mới khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật</b>			
1	Khu công nghiệp Láng Trâm	Thị xã Giá Rai	100 (điều chỉnh)	Đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt
<b>B</b>	<b>Các khu công nghiệp có tiềm năng, dự kiến thành lập mới trong trường hợp được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu, kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật</b>			
1	Khu công nghiệp Ninh Quới	Huyện Hồng Dân	257	Quy hoạch mới
2	Khu công nghiệp Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu	500	Quy hoạch mới

**Ghi chú:**

- Tên, quy mô diện tích và phạm vi ranh giới các khu công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư và được cấp có thẩm quyền quyết định, bảo đảm đúng chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

- Các khu công nghiệp tiềm năng có nhu cầu đầu tư sớm hơn để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương thì cơ quan được giao chủ trì thực hiện dự án báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định

**Phụ lục III**  
**DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP**  
**TỈNH BẠC LIÊU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-TTg*  
*ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Ngành nghề hoạt động dự kiến
<b>A</b>	<b>Các cụm công nghiệp thực hiện theo chỉ tiêu phân bổ đất tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022</b>			
<b>I</b>	<b>Các cụm công nghiệp đã được quy hoạch</b>			
1	Cụm công nghiệp Chủ Chí	Huyện Phước Long	30	Chế biến thủy sản, nông sản, tiểu thủ công nghiệp
2	Cụm công nghiệp Vĩnh Mỹ	Huyện Hòa Bình	30	Chế biến thủy sản, nông sản, tiểu thủ công nghiệp
3	Cụm công nghiệp Vĩnh Lợi	Huyện Vĩnh Lợi	50	Chế biến nông sản, thức ăn chăn nuôi, cơ khí nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp
4	Cụm công nghiệp Hồng Dân	Huyện Hồng Dân	50	Chế biến nông sản, thức ăn chăn nuôi, cơ khí nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp
<b>II</b>	<b>Các cụm công nghiệp quy hoạch mới</b>			
1	Cụm công nghiệp Chủ Chí 2	Huyện Phước Long	50	Chế biến thủy sản, nông sản, tiểu thủ công nghiệp
2	Cụm công nghiệp Châu Hưng A	Huyện Vĩnh Lợi	50	Chế biến nông sản, thức ăn chăn nuôi, cơ khí nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp
3	Cụm công nghiệp Tân Thạnh	Thị xã Giá Rai	70	Chế biến thủy sản, cơ khí sửa chữa tàu, thuyền, tiểu thủ công nghiệp
4	Cụm công nghiệp Phong Thạnh Tây	Thị xã Giá Rai	70	Chế biến thủy sản, cơ khí sửa chữa tàu, thuyền, tiểu thủ công nghiệp
5	Cụm công nghiệp Hòa Bình	Huyện Hòa Bình	70	Chế biến thủy sản, tiểu thủ công nghiệp

TT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Ngành nghề hoạt động dự kiến
6	Cụm công nghiệp Đông Hải	Huyện Đông Hải	70	Chế biến thủy sản, cơ khí sửa chữa tàu, thuyền, tiểu thủ công nghiệp
<b>B</b>	<b>Cụm công nghiệp có tiềm năng (dự kiến được triển khai thực hiện khi có đủ điều kiện theo quy định)</b>			
1	Cụm công nghiệp Ninh Quới A	Huyện Hồng Dân	70	Chế biến nông sản, logistics

**Ghi chú:**

- Việc đầu tư các dự án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn phải phù hợp với nhu cầu thực tế và căn cứ theo chỉ tiêu sử dụng đất trong thời kỳ 2021 - 2030 và sau năm 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và triển khai dự án đầu tư.

- Các cụm công nghiệp tiềm năng có nhu cầu đầu tư sớm hơn để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương thì cơ quan được giao chủ trì thực hiện dự án báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

**Phụ lục IV**  
**DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC DỰ ÁN KHU, ĐIỂM DU LỊCH**  
**TỈNH BẠC LIÊU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-TTg  
ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu, điểm du lịch	Địa điểm	Ghi chú
	<b>Đầu tư, cải tạo, nâng cấp, mở rộng</b>		
1	Đền thờ Bác Hồ	Huyện Vĩnh Lợi	
2	Khu du lịch sinh thái Hồ Nam	Thành phố Bạc Liêu	
3	Quảng trường Hùng Vương	Thành phố Bạc Liêu	
4	Khu Lưu niệm nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ và nhạc sỹ Cao Văn Lầu	Thành phố Bạc Liêu	Xây dựng thành khu du lịch cấp tỉnh
5	Khu Nhà Công tử Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu	
6	Khu du lịch Bạc Liêu - Nhà Mát	Thành phố Bạc Liêu, huyện Hòa Bình	Đầu tư phát triển bảo đảm đủ điều kiện công nhận khu du lịch quốc gia
7	Khu Quán Âm Phật Đài (Phật Bà Nam Hải)	Thành phố Bạc Liêu	Xây dựng thành khu du lịch cấp tỉnh
8	Khu Rừng ngập mặn kết hợp thăm quan điện gió Hòa Bình 1	Huyện Hòa Bình	Xây dựng thành khu du lịch cấp tỉnh
9	Di tích lịch sử văn hóa Chùa Xiêm Cán	Thành phố Bạc Liêu	
10	Khu di tích Quốc gia đặc biệt Căn cứ Cái Chanh	Huyện Hồng Dân	Xây dựng thành khu du lịch cấp tỉnh
11	Di tích lịch sử Nọc Nạng	Thị xã Giá Rai	

**Ghi chú:**

Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết, lập dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ, đồng thời không vượt chi tiêu phân bổ đất đai đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Trong quá trình xem xét, chấp thuận các đề xuất chủ trương đầu tư, các chi tiết về nội dung, quy mô và địa điểm đầu tư xây dựng công trình của từng dự án có thể điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế, nhưng phải bảo đảm mục tiêu của dự án phù hợp với quy hoạch và được sự thống nhất của các cơ quan liên quan theo quy định.

**Phụ lục V**  
**DANH MỤC DỰ KIẾN KHU BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC**  
**TỈNH BẠC LIÊU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-TTg  
ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)



TT	Tên khu	Địa điểm	Diện tích dự kiến (ha)
<b>I</b>	<b>Khu bảo tồn cấp quốc gia</b>		
1	Khu bảo tồn thiên nhiên Vườn chim Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu	125,8 ha (vùng lõi) và 258 ha (vùng đệm)
2	Khu bảo tồn thiên nhiên Ấp Canh Điền	Huyện Đông Hải	152,2 ha (vùng lõi) và 242 ha (vùng đệm)
<b>II</b>	<b>Khu bảo tồn đa dạng sinh học cao</b>		
1	Khu dự trữ thiên nhiên Rừng ngập mặn ven biển	Thành phố Bạc Liêu, huyện Hòa Bình, huyện Đông Hải	4.278 ha (diện tích rừng ven biển)
2	Khu bảo tồn loài sinh cảnh Vườn chim ấp Lập Điền	Huyện Đông Hải	21 ha
<b>III</b>	<b>Cơ sở bảo tồn</b>		
1	Khu bảo tồn cảnh quan Cụm Nhãn cổ Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu	3 ha

**Phụ lục VI**  
**DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC TUYẾN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**  
**TỈNH BẠC LIÊU THỜI KỲ 2021 - 2030, THỜI KỲ ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-TTg  
ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô tối thiểu dự kiến (cấp đường, số làn xe)
<b>MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG TỈNH</b>				
<b>I</b>	<b>Nâng cấp, cải tạo</b>			
1	ĐT.976	Thành phố Bạc Liêu	Ranh Sóc Trăng	Cấp IV, 2 làn xe
2	ĐT.976B	Thị trấn Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi	Xã Hưng Thành, huyện Vĩnh Lợi	Cấp IV, 2 làn xe
3	ĐT.977 (Đường bộ ven biển)	Ranh tỉnh Sóc Trăng, xã Vĩnh Trạch Đông, thành phố Bạc Liêu	Cầu Gành Hào, thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải	Cấp III, 2 - 4 làn xe
4	ĐT.977B	Nam sông Bạc Liêu - Cà Mau	ĐT.977D, xã Vĩnh Trạch Đông, thành phố Bạc Liêu	Cấp IV, 2 làn xe
5	ĐT.977D (tuyến đê biển)	Ranh tỉnh Sóc Trăng, xã Vĩnh Trạch Đông, thành phố Bạc Liêu	Gò Cát, xã Điền Hải, thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải	Cấp III, 2 - 4 làn xe
6	ĐT.978	Quốc lộ 1, xã Long Thạnh, huyện Vĩnh Lợi	Xã Vĩnh Lộc A, huyện Hồng Dân	Cấp IV, 2 làn xe
7	ĐT.978B	Quốc lộ Quản Lộ - Phụng Hiệp, huyện Phước Long	ĐT.977D (Đê biển), huyện Hòa Bình	Cấp IV, 2 làn xe
8	ĐT.979	Quốc lộ 1, xã Vĩnh Mỹ B, huyện Hòa Bình	Xã Vĩnh Lộc A, huyện Hồng Dân	Cấp IV, 2 làn xe
9	ĐT.979B	Quốc lộ 1, thị xã Giá Rai	ĐT.977D (Đê biển), huyện Đông Hải	Cấp IV, 2 làn xe
10	ĐT.980B	Quốc lộ 1, thị trấn Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi	ĐT.981, thị xã Giá Rai	Cấp IV, 2 làn xe

TT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô tối thiểu dự kiến (cấp đường, số làn xe)
11	ĐT.981	Quốc lộ 1, thị xã Giá Rai	Ranh Cà Mau, xã Phong Thạnh Tây B, huyện Phước Long	Cấp IV, 2 làn xe
12	ĐT.981B	Quốc lộ 1, thị xã Giá Rai	ĐT.982, TT Gành Hào, huyện Đông Hải	Cấp IV, 2 làn xe
13	ĐT.982	Quốc lộ 1, thị xã Giá Rai	ĐT.977 (Đường bộ ven biển), huyện Đông Hải	Cấp IV, 2 làn xe
14	ĐT.982B	Quốc lộ 1, thị xã Giá Rai	Ranh Cà Mau, xã Tân Thạnh, thị xã Giá Rai	Cấp IV, 2 làn xe
15	Nâng cấp ĐT.980 thành đường QL.63B	Ranh tỉnh Kiên Giang, xã Ninh Thạnh Lợi A, huyện Hồng Dân	ĐT.977 (Đường bộ ven biển) xã Điền Hải, huyện Đông Hải	Cấp III, 2 - 4 làn xe
<b>II</b>	<b>Xây dựng mới</b>			
1	Đường vành đai ngoài thành phố Bạc Liêu (bao gồm cả nhánh kết nối với đường ven biển 5,7 km)	Quốc lộ 1, phường 8, thành phố Bạc Liêu	Đầu đường Võ Văn Kiệt (nút giao ngã 5), phường 1, thành phố Bạc Liêu	Theo tiêu chuẩn đường đô thị
2	Tuyến đường song hành phía Đông QL.1	Đường vành đai ngoài thành phố Bạc Liêu tại Km 1+500	ĐH.28 (huyện Vĩnh Lợi) tại lý trình Km1+000	Theo tiêu chuẩn đường đô thị
3	ĐT.977C (Đường nối tiếp cao tốc Rạch Giá - Bạc Liêu đến Đê biển (tại xã Vĩnh Hậu A, huyện Hoà Bình)	Giao Quốc lộ 1 với cao tốc (tại phường 8, thành phố Bạc Liêu)	ĐT.977D (tuyến đê biển)	Cấp III, 2 - 4 làn xe


**Ghi chú:**

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

- Quy mô theo quy hoạch là quy mô được tính toán theo nhu cầu dự báo. Trong quá trình triển khai, tùy theo nhu cầu vận tải và khả năng nguồn lực đầu tư, cấp quyết định chủ trương đầu tư quyết định việc phân kỳ đầu tư bảo đảm hiệu quả dự án.

- Các đoạn đường qua đô thị quy mô thực hiện theo quy hoạch đô thị. Số làn xe đến năm 2030 có thể được mở rộng theo quy mô quy hoạch sau năm 2030 khi có nhu cầu thực tế.



**Phụ lục VII**  
**DANH MỤC DỰ KIẾN HỆ THỐNG BẾN XE**  
**TỈNH BẠC LIÊU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-TTg  
ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên bến	Địa điểm	Quy mô dự kiến (loại, diện tích)
<b>I</b>	<b>Nâng cấp, cải tạo</b>		
1	Bến xe Hộ Phòng	Thị xã Giá Rai	Loại 3 - 0,5 ha
2	Bến xe Gành Hào	Huyện Đông Hải	Loại 3 - 0,5 ha
3	Bến xe Châu Thới	Huyện Vĩnh Lợi	Loại 3 - 0,5 ha
4	Bến xe Phước Long	Huyện Phước Long	Loại 3 - 0,5 ha
5	Bến xe Ngan Dừa	Huyện Hồng Dân	Loại 3 - 0,5 ha
<b>II</b>	<b>Xây mới</b>		
1	Bến xe Bạc Liêu (di dời)	Huyện Vĩnh Lợi	Loại 1 - 5 ha
2	Bến xe Nhà Mát	Thành phố Bạc Liêu	Loại 3 - 0,79 ha
3	Bến xe Điền Hải	Huyện Đông Hải	Loại 3 - 0,5 ha
4	Bến xe Cái Chanh	Huyện Đông Hải	Loại 3 - 0,5 ha
5	Bến xe Phó Sinh	Huyện Phước Long	Loại 3 - 0,5 ha
6	Bến xe Chủ Chí	Huyện Phước Long	Loại 3 - 0,5 ha
7	Bến xe Hòa Bình	Huyện Hòa Bình	Loại 3 - 0,5 ha

**Ghi chú:** Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Ngoài dự kiến các bến xây dựng mới nêu trên, xem xét theo nhu cầu thực tế, điều chỉnh, phát triển thêm các bến phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan.

**Phụ lục VIII**  
**DANH MỤC DỰ KIẾN TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**  
**TỈNH BẠC LIÊU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-TTg*  
*ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên tuyến	Điểm đầu/Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cấp kỹ thuật
	<b>Nạo vét, duy tu tuyến hiện có</b>			
1	Kênh 30/4 - Bạc Liêu	Kênh Cà Mau - Bạc Liêu/ Biển Đông	8,8	V
2	Kênh Vĩnh Mỹ - Phước Long	Kênh Cà Mau - Bạc Liêu/ Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	23	VI
3	Kênh Cầu Sập - Ninh Quới	Kênh Cà Mau - Bạc Liêu/ Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	28	V
4	Kênh Ninh Quới - Ngan Dừa	Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp/ sông Cái Tàu	15,5	IV
5	Kênh Giá Rai - Phó Sinh	Kênh Cà Mau - Bạc Liêu/ Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	16,5	IV
6	Kênh Xóm Lung - Cái Cùng	Kênh Cà Mau - Bạc Liêu/ Biển Đông	13,0	V
7	Kênh Hộ Phòng - Chủ Chí	Kênh Cà Mau - Bạc Liêu/ Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	13,8	III
8	Kênh Cây Giang	Kênh Cà Mau - Bạc Liêu/ Biển Đông	16,5	VI
9	Kênh Phó Sinh - Cạnh Đền	Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp/ sông Cạnh Đền	16,0	V
10	Kênh Xáng Láng Trâm	Kênh Cà Mau - Bạc Liêu/ Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	7,8	V
11	Kênh Chủ Chí - Chợ Hội	Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp/ ranh Cà Mau	8,4	V

**Ghi chú:**

- Việc đầu tư các dự án nêu trên phải phù hợp với Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, chiều dài, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

**Phụ lục IX**  
**DANH MỤC DỰ KIẾN HỆ THỐNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA**  
**TỈNH BẠC LIÊU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-TTg*  
*ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên cảng	Địa điểm	Quy mô dự kiến (ha)
<b>I</b>	<b>Xây mới bến tàu khách</b>		
1	Bến tàu khách Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu	1,0
2	Bến tàu khách Hộ Phòng	Thị xã Giá Rai	0,7
3	Bến tàu khách Gành Hào	Huyện Đông Hải	1,0
4	Bến tàu khách Phước Long	Huyện Phước Long	0,75
5	Bến tàu khách Chủ Chí	Huyện Phước Long	0,75
6	Bến tàu khách Phó Sinh	Huyện Phước Long	0,75
7	Bến tàu khách Nhà Mát	Thành phố Bạc Liêu	5,0
8	Bến tàu khách Ngan Dừa	Huyện Hồng Dân	0,75
9	Bến tàu khách Vĩnh Lộc A	Huyện Hồng Dân	0,75
<b>II</b>	<b>Xây mới bến hàng hóa (bến tổng hợp)</b>		
1	Bến Bạc Liêu 1	Thành phố Bạc Liêu	1,0
2	Bến Bạc Liêu 2	Thành phố Bạc Liêu	0,5
3	Bến Bạc Liêu 3	Thành phố Bạc Liêu	1,5
4	Bến Hòa Bình	Huyện Hòa Bình	0,5
5	Bến Vĩnh Hưng	Huyện Vĩnh Lợi	0,5
6	Bến Định Thành	Huyện Đông Hải	0,5
7	Bến Cái Cù	Huyện Hòa Bình	5,0
8	Bến Hộ Phòng	Thị xã Giá Rai	1,5
9	Bến Ninh Quới A	Huyện Hồng Dân	0,5
10	Bến Ngan Dừa	Huyện Hồng Dân	0,3
11	Bến Phước Long	Huyện Phước Long	0,5
12	Bến Phó Sinh	Huyện Phước Long	0,3
13	Bến Chủ Chí	Huyện Phước Long	1,5
14	Bến Ninh Thạnh Lợi	Huyện Hồng Dân	0,5
15	Bến Xẻo Chích	Huyện Vĩnh Lợi	0,3

**Ghi chú:**

- Việc đầu tư các dự án bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh phải phù hợp với Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Ngoài dự kiến các bến xây dựng mới nêu trên, xem xét theo nhu cầu thực tế, điều chỉnh, phát triển thêm các bến phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan.



**Phụ lục X**

**DANH MỤC DỰ KIẾN KHU VỰC CÓ TIỀM NĂNG  
PHÁT TRIỂN CÁC NGUỒN ĐIỆN TỈNH BẠC LIÊU  
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-TTg  
ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

<b>TT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Quy mô, công suất (MW)</b>	<b>Địa điểm</b>
1	Khu vực điện gió Bạc Liêu	160	Thành phố Bạc Liêu
2	Khu vực điện gió Hòa Bình	1.040	Huyện Hòa Bình
3	Khu vực điện gió Đông Hải	350	Huyện Đông Hải
4	Các dự án điện gió phục vụ xuất khẩu	10.000	Thành phố Bạc Liêu, huyện Hòa Bình, huyện Đông Hải
5	Các dự án điện mặt trời Đông Hải (tự sản, tự tiêu, xuất khẩu)	6.000	Huyện Đông Hải
6	Nhà máy điện sinh khối	33	Huyện Vĩnh Lợi
7	Các dự án điện gió tiềm năng khác	8.000	Các huyện, thị, thành phố

**Ghi chú:**

- Việc triển khai các dự án nêu trên chỉ được thực hiện khi bảo đảm phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII); Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, các quyết định, quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu thực tế phát triển của tỉnh Bạc Liêu.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

**Phụ lục XI**  
**DANH MỤC DỰ KIẾN MẠNG LƯỚI ĐIỆN PHÂN PHỐI**  
**TỈNH BẠC LIÊU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-TTg*  
*ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

**A. DANH MỤC CÔNG TRÌNH TRẠM BIẾN ÁP 110KV**

TT	Trạm biến áp	Công suất (MVA)		Địa điểm
		Hiện trạng năm 2020	Dự kiến đến năm 2030	
<b>I</b>	<b>Nâng cấp cải tạo</b>	<b>80</b>	<b>126</b>	
1	TBA 110kV Đông Hải	40	63	Huyện Đông Hải
2	TBA 110kV Giá Rai	40	63	Thị xã Giá Rai
<b>II</b>	<b>Xây dựng mới</b>		<b>240</b>	
1	Trạm 110kV Hiệp Thành		40	Thành phố Bạc Liêu
2	Trạm 110kV Ngan Dừa		40	Huyện Hồng Dân
3	Trạm 110kV Láng Trâm		40	Thị xã Giá Rai
4	Trạm 110kV Châu Hưng		40	Huyện Vĩnh Lợi
5	Trạm 110kV Ninh Quới		40	Huyện Hồng Dân
6	Trạm 110kV Vĩnh Mỹ		40	Huyện Hòa Bình
7	Trạm 110kV Vĩnh Hậu		40	Huyện Hòa Bình

**Ghi chú:** Việc đầu tư xây dựng các trạm biến áp phải căn cứ vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII); Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Danh mục trạm biến áp không bao gồm các trạm biến áp nâng áp của các dự án nguồn điện. Trong quá trình thực hiện, tùy điều kiện phát triển thực tiễn và quy hoạch để lắp đặt máy biến áp phù hợp; đối với máy biến áp 110kV, tùy vào cấp điện áp trung áp khu vực đang sử dụng và phụ tải tại khu vực cấp điện để lắp đặt số cuộn dây và cấp điện áp phù hợp.

**B. DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG DÂY 110KV**

TT	Tên đường dây	Tiết diện dự kiến	Chiều dài dự kiến (km)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Đường dây 110kV nâng cấp, cải tạo</b>			
1	Cải tạo đường dây 110kV Bạc Liêu - Giá Rai (từ trụ 25 đến trụ 175)	AC240	21,2	Nâng tiết diện lên AC 240 mm <sup>2</sup>
2	Cải tạo đường dây 110 kV Giá Rai	AC240	34	Nâng tiết diện

TT	Tên đường dây	Tiết diện dự kiến	Chiều dài dự kiến (km)	Ghi chú
	- Cà Mau (từ trụ 175 đến trụ 288)			lên AC 240 mm <sup>2</sup>
3	Nâng khả năng tải đường dây 110kV Bạc Liêu 2 - Thạnh Trị - Sóc Trăng (Nâng khả năng tải đường dây 110kV Bạc Liêu 2 - Vĩnh Trạch Đông - Thạnh Trị - Sóc Trăng (AC185) thành dây phân pha AC-2x185)	AC-2x185	71	Nâng tiết diện lên AC-2x185 mm <sup>2</sup>
4	Phân pha đường dây 110 kV 172 ĐG Hòa Bình 2 - 171 Hiệp Thành		15	Tăng cường khả năng mang tải của đường dây nhằm giải phóng nguồn điện gió
5	Cải tạo đường dây 110 kV Hồng Dân - An Xuyên (từ trụ 248 đến trụ 422)	AC240	32,4	Nâng tiết diện lên AC 240 mm <sup>2</sup>
6	Cải tạo đường dây 110 kV Hồng Dân - Long Mỹ (từ trụ 157 đến trụ 248)	AC240	17,3	Nâng tiết diện lên AC 240 mm <sup>2</sup>
<b>II</b>	<b>Đường dây 110kV xây dựng mới</b>			
1	Đường dây 110kV Bạc Liêu 2 - Vĩnh Châu	AC 240	33	Xây mới tiết diện AC 240 mm <sup>2</sup>
2	Đường dây đấu nối trạm 110 kV Hiệp Thành	AC 240	7	Xây mới tiết diện AC 240 mm <sup>2</sup>
3	Đường dây đấu nối trạm 110 kV Ngan Dừa	AC 240	10	Xây mới tiết diện AC 240 mm <sup>2</sup>
4	Xuất tuyến trạm 220 kV Giá Rai rẽ nhánh Hồng Dân - An Xuyên	AC240	9	Xây mới tiết diện AC 240 mm <sup>2</sup>
5	Xuất tuyến 110 kV trạm 220 kV Bạc Liêu 2 đến đường dây Hồng Dân - Long Mỹ	AC240	30	Xây mới tiết diện AC 240 mm <sup>2</sup>
6	Đường dây đấu nối trạm 110 kV Láng Trâm	AC 240	1	Xây mới tiết diện AC 240 mm <sup>2</sup>
7	Đường dây đấu nối trạm 110 kV Châu Hưng	AC 240	1	Xây mới tiết diện AC 240 mm <sup>2</sup>
8	Đường dây đấu nối trạm 110 kV Ninh Quới	AC 240	0,5	Xây mới tiết diện AC 240 mm <sup>2</sup>
9	Đường dây đấu nối trạm 110 kV	AC 240	1	Xây mới tiết diện

TT	Tên đường dây	Tiết diện dự kiến	Chiều dài dự kiến (km)	Ghi chú
	Vĩnh Mỹ			AC 240 mm <sup>2</sup>
10	Xuất tuyến 110 kV sau TBA 220 kV Hòa Bình, số mạch từ 2 - 4 mạch đầu nối vào đường dây 110 kV Hòa Bình - Đông Hải	AC 240	4,0	Xây mới tiết diện AC 240 mm <sup>2</sup>

**Ghi chú:**

- Việc đầu tư xây dựng các tuyến đường dây căn cứ vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII); Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Vị trí, chiều dài đường dây sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án.

- Các nhà máy điện gió đã đầu nối vào đường dây 110kV và đã hòa lưới hoạt động ổn định (gồm nhà máy điện gió Bạc Liêu giai đoạn 1, giai đoạn 2; nhà máy điện gió Đông Hải 1- giai đoạn 1, giai đoạn 2; nhà máy điện gió Hòa Bình 1 - giai đoạn 1, giai đoạn 2; nhà máy điện gió Hòa Bình 2) được giữ nguyên đầu nối theo hiện trạng đang vận hành.

- Các nhà máy điện gió đang thực hiện đầu tư (nhà máy điện gió Đông Hải 2) có phương án đầu nối vào đường dây 110kV hiện hữu: được giữ nguyên đầu nối theo phương án đang triển khai thi công, xây dựng.

- Các dự án điện gió trong quy hoạch này thực hiện đầu nối theo phương án trong hồ sơ quy hoạch được duyệt.

- Các lộ ra 110kV sau các trạm biến áp 220kV Hòa Bình, trạm biến áp 220kV Đông Hải: Thực hiện chi tiết theo quy hoạch được duyệt.

**Phụ lục XII**  
**DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**  
**VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TẠI TỈNH BẠC LIÊU**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-TTg*  
*ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Danh mục	Địa điểm	Ghi chú
<b>A</b>	<b>PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THỦY LỢI</b>		
<b>I</b>	<b>Cống</b>		
1	Dự án đầu tư xây dựng mới công Cái Tràm, Cầu Số 3, Chệt Niêu, Xóm Lung, Ấp Dôn, Cả Vĩnh, công Nước Mặn tỉnh Bạc Liêu	Huyện Hòa Bình, huyện Vĩnh Lợi, thành phố Bạc Liêu	Xây dựng mới 7 cống Bc = 8 -10 m
2	Nâng cấp, xây mới hệ thống công Bắc quốc lộ 1A (Thị xã Giá Rai, huyện Hòa Bình và Vĩnh Lợi)	Thị xã Giá Rai, huyện Hòa Bình, thành phố Bạc Liêu	Nâng cấp các cống đã xuống cấp
3	Dự án hệ thống công trình điều tiết, bổ sung nước phục vụ nuôi trồng thủy sản vùng phía Nam quốc lộ 1A	Thành phố Bạc Liêu, thị xã Giá Rai, huyện Đông Hải	Xây dựng 2 cống âu trên kênh Cà Mau - Bạc Liêu và các cống bờ Đông kênh Hộ Phòng - Giá Rai
4	Dự án đầu tư xây dựng các cống kết hợp trạm bơm dọc theo kênh Vĩnh Phong, tỉnh Bạc Liêu	Thị xã Giá Rai	Xây dựng 6 cống kết hợp trạm bơm
5	Xây dựng cống Xẻo Chích	Huyện Hồng Dân	Bc = 30 m
6	Nâng cấp 4 cửa cống (Nhà Mát, Chùa Phật, Cái Cùn, Huyện Kê)	Thành phố Bạc Liêu, huyện Hòa Bình, huyện Đông Hải	Nâng cấp 4 cửa cống
7	Hệ thống công đầu kênh cấp 2 Nam quốc lộ 1A	Thành phố Bạc Liêu, thị xã Giá Rai, huyện Hòa Bình, huyện Đông Hải	Xây dựng mới 23 cống
8	Nâng cấp cửa van và hệ thống đóng mở cho các cống đập phân ranh mặn ngọt	Huyện Phước Long, huyện Hồng Dân	49 công trình



TT	Danh mục	Địa điểm	Ghi chú
9	Đầu tư xây dựng hệ thống cống đầu kênh cấp 2, phục vụ sản xuất nông nghiệp vùng Bắc kênh Quản Lộ Phụng Hiệp	Huyện Phước Long, huyện Hồng Dân	11 cống
10	Hệ thống cống bờ Tây kênh Cầu Sập - Ngan Dừa	Huyện Phước Long, huyện Vĩnh Lợi, thành phố Bạc Liêu	21 cống, Bc = 5 - 20 m
<b>II</b>	<b>Kênh</b>		
1	Nạo vét hệ thống kênh cấp 1	Thành phố Bạc Liêu, các huyện: Hồng Dân, Phước Long, Hòa Bình, Vĩnh Lợi,	Nạo vét 29 tuyến kênh cấp 1
2	Nâng cấp mở rộng trục kênh cấp nước từ Sóc Trăng - Bạc Liêu	Tỉnh Sóc Trăng; tỉnh Bạc Liêu	Nạo vét 2 tuyến kênh
3	Nạo vét hệ thống kênh, trục cấp 2 và cấp 3 vượt cấp	Toàn tỉnh	Nạo vét 4.375 tuyến kênh
<b>III</b>	<b>Chương trình phát triển trạm bơm điện tỉnh Bạc Liêu</b>		
1	Xây dựng hệ thống ô đê bao và trạm bơm điện	Các huyện, thị xã, thành phố	Xây dựng 350 ô đê bao và 680 trạm bơm điện
<b>IV</b>	<b>Các dự án phục vụ nuôi trồng thủy sản, nông nghiệp</b>		
1	Xây dựng hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phát triển Tôm Bạc Liêu (giai đoạn 2)	Thành phố Bạc Liêu	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật 418,91 ha
2	Dự án phát triển thủy sản bền vững, vay vốn WB	Thành phố Bạc Liêu, huyện Hòa Bình,	Nâng cấp hạ tầng nuôi trồng thủy sản và xây dựng hạ tầng khai thác thủy sản
3	Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng vùng nuôi tôm công nghiệp, bán công nghiệp	Toàn tỉnh	Nâng cấp hạ tầng thủy lợi nội đồng

TT	Danh mục	Địa điểm	Ghi chú
4	Dự án thành phần số 07 “Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, kiên cố hóa hệ thống thủy lợi đồng muối Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu” thuộc dự án Nâng cấp cải tạo phục vụ sản xuất muối giai đoạn 2021 - 2025	Huyện Đông Hải	1.380 ha
5	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng sản xuất giống thủy sản đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	Huyện Hoà Bình, huyện Đông Hải	Xây dựng mới hạ tầng phục vụ 300 ha
6	Dự án nạo vét hệ thống thủy lợi cấp bách, thau chua rửa mặn, phục vụ sản xuất kết hợp giao thông thủy vùng Bắc và Nam quốc lộ 1A	Các huyện: Phước Long, Hòa Bình, Đông Hải, Vĩnh Lợi, Hồng Dân	Nạo vét các kênh trục phục vụ 28.000 ha
7	Dự án xây dựng ô bao ngăn mặn cấp bách kết hợp công trình giao thông để bảo vệ và phát triển vùng sản xuất lúa tôm	Huyện Phước Long, thị xã Giá Rai	Hạ tầng thủy lợi phục vụ 3.100 ha
8	Dự án xây dựng ô bao ngăn mặn cấp bách kết hợp công trình giao thông để bảo vệ và phát triển vùng sản xuất lúa tôm	Huyện Hồng Dân	Xây dựng 11,7 km đê bao
9	Dự án xây dựng vùng sản xuất lúa - tôm ổn định thị xã Giá Rai (2.850 ha)	Thị xã Giá Rai	Đê bao công nội đồng phục vụ 2.850 ha
10	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng lúa - tôm Vĩnh Lộc	Xã Vĩnh Lộc, huyện Hồng Dân	Hạ tầng thủy lợi phục vụ 2480 ha
11	Dự án xây dựng ô đê bao ngăn mặn cấp bách kết hợp các công trình giao thông để bảo vệ và phát triển vùng sản xuất lúa và nuôi trồng thủy sản	Huyện Vĩnh Lợi	Xây dựng 4,2 km đê bao và hạ tầng thủy lợi nội đồng
12	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng lúa - tôm	Huyện Hồng Dân	Hạ tầng thủy lợi nội đồng phục vụ 15.000 ha
13	Dự án đầu tư xây dựng nạo vét tuyến kênh trục Hòa Bình	Huyện Hòa Bình, huyện Phước Long	Nạo vét kênh trục Hòa Bình 25,2 km, nâng cấp tuyến đê bao 5,7 km và 7 cầu trên tuyến
14	Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp vùng phía Bắc quốc lộ 1	Huyện Hòa Bình	Hạ tầng nông nghiệp và phát triển nông thôn phục vụ 10.000 ha
V	<b>Chương trình nước sạch nông thôn</b>	Toàn tỉnh	41 trạm cấp nước
VI	<b>Dự án liên quan thích ứng biến đổi khí hậu</b>		

<b>TT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng sinh thái, nâng cao sinh kế, thích ứng biến đổi khí hậu	Thành phố Bạc Liêu, huyện Đông Hải, huyện Hòa Bình	Xây dựng 4 km kè bảo vệ bờ biển huyện Hòa Bình. Hệ thống cống, nạo vét kênh mương
2	Dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và chuyển đổi sinh kế tỉnh Bạc Liêu (WB11)	Toàn tỉnh	Hạ tầng thủy lợi, giao thông, điện
3	Dự án cải thiện hệ thống thủy lợi các tỉnh ven biển vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu vay vốn ODA Nhật Bản	Huyện Đông Hải	Nâng cấp đê biển, xây dựng cống Gành Hào
4	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu hỗ trợ chuyển đổi nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu vùng ven biển vùng đồng bằng sông Cửu Long	Toàn tỉnh	Nạo vét kênh mương các cấp và thủy lợi nội đồng
<b>B</b>	<b>PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI</b>		
<b>I</b>	<b>Đê biển và đê sông, đường ven biển</b>		
1	Dự án sửa chữa nâng cấp mái đê, khắc phục sạt lở, nâng cấp đê cấp bách	Thành phố Bạc Liêu, huyện Hòa Bình	Nâng cấp 7 km đê
2	Dự án xây dựng nâng cấp đê biển Đông và hệ thống cống qua đê cấp bách chống biến đổi khí hậu tỉnh Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu	Nâng cấp 4 km và 05 cống
3	Dự án xây dựng, nâng cấp đê biển Đông cấp bách chống biến đổi khí hậu tỉnh Bạc Liêu (đoạn từ kênh Mương 1 đến kênh Huyện Kế)	Huyện Hòa Bình, huyện Đông Hải	Nâng cấp 20,64 km đê biển
4	Dự án xây dựng, nâng cấp đê biển Đông cấp bách chống biến đổi khí hậu tỉnh Bạc Liêu (Huyện Kế đến ngã 3 Mũi Tàu)	Huyện Đông Hải	Nâng cấp 10 km đê biển
5	Dự án đê biển bảo vệ khu vực Quan âm Phật đài Nam Hải	Thành phố Bạc Liêu	Xây dựng 1 km đê biển
6	Dự án xây dựng, nâng cấp đê biển Đông cấp bách chống biến đổi khí hậu tỉnh Bạc Liêu đoạn từ Quan âm Phật đài đến Mương 1	Huyện Hòa Bình, thành phố Bạc Liêu	Nâng cấp 8,3 km đê
7	Dự án xây dựng nâng cấp đê biển Đông và hệ thống cống qua đê	Thành phố Bạc Liêu, huyện Hòa Bình, huyện Đông Hải	Nâng cấp 3 km đê, 674 m kè, 6 cống ngăn triều qua đê, 4 cống qua kè Gành Hào, 724 đường sau kè Gành Hào
8	Xây dựng hệ thống đê sông và công trình đê phòng chống triều cường cho 5 xã phía Tây huyện Đông Hải	Huyện Đông Hải, thị xã Giá Rai	Chiều dài 66 km

TT	Danh mục	Địa điểm	Ghi chú
9	Nâng cấp đê sông Nam Cà Mau - Bạc Liêu từ Hộ Phòng đến Ngã Ba Vàm Léo	Thị xã Giá Rai, huyện Hòa Bình, thành phố Bạc Liêu	Nâng cấp 53 km và xây dựng các công dưới đê
10	Nâng cấp hệ thống đê sông vùng Nam quốc lộ 1 (06 tuyến đê dọc kênh Cái Cùng, Huyện Kê, Chùa Phật)	Thành phố Bạc Liêu, huyện Hòa Bình, huyện Đông Hải	Nâng cấp 35 km đê
11	Dự án đường ven biển đoạn qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu	Thành phố Bạc Liêu, huyện Hòa Bình, huyện Đông Hải	Nâng cấp đường ven biển và đoạn nhánh kết nối đường Nam Sông Hậu
<b>II</b>	<b>Hạ tầng kè chống sạt lở bờ sông, bờ biển</b>		
	<b>Bờ biển</b>		
1	Dự án chống xói lở bờ biển Vĩnh Trạch Đông	Thành phố Bạc Liêu	Xây dựng 4 km kè giảm sóng bằng bê tông cốt thép, kết hợp trồng rừng
2	Dự án chống xói lở bờ biển khu vực Quan âm Phật Đài	Thành phố Bạc Liêu	Xây dựng 2 km kè giảm sóng bằng bê tông cốt thép, kết hợp trồng rừng
3	Dự án chống xói lở bờ biển Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu (giai đoạn II)	Thành phố Bạc Liêu	Xây dựng 1 km kè giảm sóng bằng bê tông cốt thép, kết hợp trồng rừng
4	Dự án xói lở bờ biển thành phố Bạc Liêu (đoạn còn lại giữa bờ biển Vĩnh Trạch Đông và bờ biển Nhà Mát)	Thành phố Bạc Liêu	Xây dựng 4,2 km kè giảm sóng kết hợp trồng rừng
5	Đoạn xói lở bờ biển huyện Hòa Bình (đoạn tiếp giáp kè kết dư Tiểu dự án 10 đến Chùa Phật)	Huyện Hòa Bình	Xây dựng 2,5km kè giảm sóng
6	Dự án chống xói lở bờ biển Gành Hào	Thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải	Xây dựng 2 km kè giảm sóng
7	Dự án Kè chống sạt lở bảo vệ đê biển khu vực thị trấn Gành Hào (từ kênh 3 đến ngã 3 Mũi Tàu)	Thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải	Xây dựng 2,5 km kè bằng bê tông cốt thép

TT	Danh mục	Địa điểm	Ghi chú
8	Dự án xây dựng kè biển Đông từ cầu Huyện Kế đến ngã ba Mũi Tàu	Huyện Đông Hải	Xây dựng 10,6 km kè bằng bê tông cốt thép
9	Dự án nâng cấp kè Gành Hào	Thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải	Toàn tuyến
<b>Bờ sông</b>			
1	Dự án đầu tư xây dựng kè bờ sông	Thành phố Bạc Liêu	Xây dựng 11 km kè bê tông cốt thép
2	Kè chống ngập dọc tuyến quốc lộ 1A qua địa bàn tỉnh Bạc Liêu	Thị xã Giá Rai, huyện Hòa Bình	Xây dựng 14 km kè bê tông cốt thép
3	Kè chống sạt lở bờ sông trên địa bàn thị xã Giá Rai (từ cầu Giá Rai đến bến xe Hộ Phòng)	Phường 1 và phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai	Xây dựng 3,9 km kè
4	Kè chống sạt lở bờ sông Gành Hào (đoạn giữa G4 và G5)	Huyện Đông Hải	Xây dựng 1,3 km kè bê tông cốt thép
5	Kè chống sạt lở bờ sông Gành Hào (đoạn G6)	Huyện Đông Hải	Xây dựng 3 km kè bê tông cốt thép
6	Dự án đầu tư xây dựng kè Nhà Mát đoạn từ Cổng Nhà Mát đến cầu Nhà Mát	Phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu	Xây dựng 4,71 km kè
7	Kè hai bên bờ kênh Cà Mau - Bạc Liêu (Đoạn từ bến xe Hộ Phòng hướng đến Cà Mau)	Huyện Đông Hải, thị xã Giá Rai	Xây dựng 32 km kè bê tông cốt thép
8	Dự án xây dựng các đoạn kè phòng chống sạt lở sông Gành Hào - Hộ Phòng	Huyện Đông Hải	Xây dựng 40 km kè bê tông cốt thép
9	Kè hai bên rạch kênh Xáng (Đoạn từ cống Trà Kha đến cống Trần Huỳnh)	Thành phố Bạc Liêu	Xây dựng 10 km kè bê tông cốt thép
10	Kè chống sạt lở 02 bên bờ kênh Nước Mặn và kênh Cả Vĩnh	Huyện Vĩnh Lợi	Xây dựng 5km kè
<b>III</b>	<b>Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão</b>		
1	Dự án khu neo đậu tránh trú bão Gành Hào	Huyện Đông Hải	Số lượng tàu neo đậu 500 tàu dài 30 m
2	Dự án nâng cấp mở rộng cảng cá Gành Hào	Huyện Đông Hải	Đạt tiêu chuẩn loại I

TT	Danh mục	Địa điểm	Ghi chú
3	Dự án đầu tư xây dựng khu neo đậu tránh trú bão và bến cá Cái Cùng	Huyện Hòa Bình	Số lượng tàu neo đậu 250 tàu dài 30 m; xây mới Cảng cá loại II
<b>IV</b>	<b>Di dân và tái định cư</b>		
1	Dự án Khu dân cư, tái định cư rừng phòng hộ tỉnh Bạc Liêu - giai đoạn 2	Thành phố Bạc Liêu, huyện Hòa Bình, huyện Đông Hải	895 hộ; 5 khu tái định cư
2	Dự án đầu tư xây dựng san lấp mặt bằng 03 khu tái định cư ( <i>khu tái định cư ấp Biển Đông B, xã Vĩnh Trạch Đông; khu tái định cư Ấp 13 - Thống Nhất - Vĩnh Mẫu, xã Vĩnh Hậu và khu tái định cư ấp Bửu 2, xã Long Điền Đông</i> ) thuộc Khu dân cư, tái định cư rừng phòng hộ tỉnh Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu, huyện Hòa Bình, huyện Đông Hải	
3	Chương trình di dân tái định cư các khu vực sạt lở trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu	Thị xã Giá Rai	Xây dựng hạ tầng bảo đảm sinh kế và ổn định dân cư
4	Dự án khu tái định cư phục vụ các dự án kè bờ sông Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu	Xây dựng công trình ổn định dân cư tại chỗ cho 1.000 hộ dân

**Ghi chú:**

- Việc đầu tư các công trình thủy lợi phải phù hợp với Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, phù hợp với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các quy hoạch liên quan và nhu cầu thực tế phát triển của địa phương.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật; tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn.

**Phụ lục XIII**  
**DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CẢNG CÁ, KHU NEO ĐẬU**  
**TRÁNH TRÚ BÃO CHO TÀU THUYỀN TRÊN ĐỊA BÀN**  
**TỈNH BẠC LIÊU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-TTg  
ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cảng cá, khu neo đậu cho tàu thuyền	Địa điểm	Quy mô dự kiến
1	Cảng cá Gành Hào kết hợp khu neo đậu tránh trú bão	Huyện Đông Hải	Công suất cảng 25.000 Tấn/năm; neo đậu 500 tàu
2	Cảng cá Cái Cùng kết hợp khu neo đậu tránh trú bão	Huyện Hòa Bình	Công suất cảng 15.000 Tấn/năm; neo đậu 250 tàu
3	Cảng cá Nhà Mát kết hợp khu neo đậu tránh trú bão	Thành phố Bạc Liêu	Công suất cảng 15.000 Tấn/năm; neo đậu 300 tàu

**Ghi chú:** Tên, vị trí, quy mô, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật; tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn.

hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các quy hoạch liên quan.

- Vị trí, quy mô, công suất của đường ống truyền tải chính, đường ống truyền tải khu vực (cấp 1) và trạm bơm tăng áp trên các tuyến ống truyền tải được xác định cụ thể trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo nhà máy nước, trạm cấp nước và phù hợp với nhu cầu cấp nước của địa phương.



**Phụ lục XIV**  
**DANH MỤC DỰ KIẾN NHÀ MÁY NƯỚC**  
**TỈNH BẠC LIÊU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-TTg  
ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên nhà máy nước	Công suất dự kiến (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Địa điểm
<b>I</b>	<b>Nhà máy nước hiện có cải tạo, nâng công suất</b>		
1	Nhà máy nước số 1	15.000	Thành phố Bạc Liêu
2	Nhà máy nước số 2	15.000	Thành phố Bạc Liêu
3	Nhà máy nước thị trấn Ngan Dừa	2.000	Huyện Hồng Dân
4	Nhà máy nước Phước Long	2.000	Huyện Phước Long
5	Nhà máy nước Hòa Bình	4.800	Huyện Hòa Bình
6	Nhà máy nước Châu Hưng	4.000	Huyện Vĩnh Lợi
7	Nhà máy nước Gành Hào	4.000	Huyện Đông Hải
<b>II</b>	<b>Nhà máy nước và tuyến ống xây dựng mới</b>		
1	Nhà máy nước Giá Rai	9.500	Thị xã Giá Rai
2	Nhà máy nước Phong Thạnh Tây B	1.200	Huyện Phước Long
3	Nhà máy nước Phó Sinh	1.500	Huyện Phước Long
4	Xây dựng mới tuyến ống dẫn nước từ nhà máy cấp nước sông Hậu 1 về huyện Phước Long (công suất tải)	1.000	Huyện Phước Long
5	Xây dựng mới tuyến ống dẫn nước từ nhà máy cấp nước sông Hậu 1 về thành phố Bạc Liêu (công suất tải)	7.000	Thành phố Bạc Liêu
6	Xây dựng mới tuyến ống dẫn nước từ nhà máy cấp nước sông Hậu 1 về huyện Hồng Dân (công suất tải)	2.000	Huyện Hồng Dân

**Ghi chú:**

- Các công trình cấp nước trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu thời kỳ 2021 - 2030 phải phù hợp với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, địa điểm, công suất, diện tích, phạm vi cấp nước, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật; phù hợp định hướng quy hoạch, tính khả thi, thuận lợi trong công tác giải phóng mặt bằng, đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội của từng dự án.

Quy mô, công suất các nhà máy nước, trạm cấp nước có thể điều chỉnh để bảo đảm nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ngoài dự kiến các công trình cấp nước xây mới nêu trên, xem xét theo nhu cầu thực tế, điều chỉnh phát triển thêm các công trình cấp nước phù



**Phụ lục XV**  
**DANH MỤC DỰ KIẾN NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
**TỈNH BẠC LIÊU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-TTg*  
*ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên nhà máy	Công suất (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Địa điểm
1	Xây mới nhà máy xử lý nước thải số 1	15.000	Thành phố Bạc Liêu
2	Xây mới nhà máy xử lý nước thải số 2	10.000	Thành phố Bạc Liêu
3	Xây mới nhà máy xử lý nước thải Hồng Dân	2.000	Huyện Hồng Dân
4	Xây mới nhà máy xử lý nước thải Phước Long	4.000	Huyện Phước Long
5	Xây mới nhà máy xử lý nước thải thị xã Giá Rai	8.000	Thị xã Giá Rai
6	Xây mới nhà máy xử lý nước thải Vĩnh Lợi	3.000	Huyện Vĩnh Lợi
7	Xây mới nhà máy xử lý nước thải Hòa Bình	4.000	Huyện Hòa Bình
8	Xây mới nhà máy xử lý nước thải Đông Hải	3.000	Huyện Đông Hải

**Ghi chú:**

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Các nhà máy xử lý nước thải được đầu tư trên cơ sở tính toán đồng bộ với tuyến cống, ống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt, các tuyến cống, ống thoát nước mưa.

- Quy mô, công suất các nhà máy xử lý nước thải có thể điều chỉnh để bảo đảm nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ngoài dự kiến các nhà máy xử lý nước thải xây mới nêu trên, xem xét theo nhu cầu thực tế, điều chỉnh, phát triển thêm các nhà máy xử lý nước thải phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

**Phụ lục XVI**  
**DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN**  
**TỈNH BẠC LIÊU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-TTg  
ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Khu xử lý	Địa điểm	Diện tích (ha)	Công suất (tấn/ngày)
1	Khu 1: Khu xử lý rác thải Châu Hưng (cụm Bạc Liêu - Hòa Bình - Vĩnh Lợi)	Huyện Vĩnh Lợi	23 (mở rộng)	400 - 500
2	Khu 2: Khu xử lý rác thải cụm Giá Rai - Đông Hải	Huyện Đông Hải	13 (xây mới)	300 - 350
3	Khu 3: Khu xử lý rác thải cụm Phước Long - Hồng Dân	Huyện Hồng Dân	20 (xây mới)	350 - 400

**Ghi chú:**

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, công nghệ áp dụng của các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt quy hoạch xây dựng, dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn của từng thời kỳ.

- Quy mô, công suất các khu xử lý rác thải có thể điều chỉnh để bảo đảm nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ngoài dự kiến các khu xử lý rác thải nêu trên, xem xét theo nhu cầu thực tế, điều chỉnh, phát triển thêm các khu xử lý rác thải phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

**Phụ lục XVII**  
**DANH MỤC DỰ KIẾN KHU NGHĨA TRANG, CƠ SỞ HỎA TÁNG**  
**TỈNH BẠC LIÊU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-TTg  
ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Quy mô dự kiến (ha)
1	Nghĩa trang nhân dân kết hợp cơ sở hỏa táng khu vực thành phố Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu	20 - 23
2	Nghĩa trang nhân dân kết hợp cơ sở hỏa táng khu vực Hòa Bình - Vĩnh Lợi	Huyện Hòa Bình và huyện Vĩnh Lợi	9 - 10
3	Nghĩa trang nhân dân kết hợp cơ sở hỏa táng khu vực Giá Rai - Đông Hải	Thị xã Giá Rai Huyện Đông Hải	12 - 13
4	Nghĩa trang nhân dân kết hợp cơ sở hỏa táng khu vực Phước Long - Hồng Dân	Huyện Phước Long và huyện Hồng Dân	10 - 11

**Ghi chú:**

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt quy hoạch xây dựng, dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn của từng thời kỳ.

- Quy mô các khu nghĩa trang có thể điều chỉnh để bảo đảm nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ngoài dự kiến các khu nghĩa trang nêu trên, xem xét theo nhu cầu thực tế, điều chỉnh, phát triển thêm các khu nghĩa trang phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

**Phụ lục XVIII**  
**DANH MỤC DỰ KIẾN HẠ TẦNG PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY**  
**VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ TỈNH BẠC LIÊU THỜI KỲ 2021 - 2030,**  
**TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-TTg*  
*ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
1	Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực Phước Long - Hồng Dân	Huyện Phước Long	Mở rộng diện tích theo quy định 1,0 ha
2	Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	Huyện Phước Long	Bố trí đất và kinh phí xây dựng mới
3	Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	Thị xã Giá Rai	Bố trí đất và kinh phí xây dựng mới
4	Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	Trung tâm hành chính mới huyện Đông Hải	Bố trí đất và kinh phí xây dựng mới
5	Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	Huyện Hòa Bình	Bố trí đất và kinh phí xây dựng mới
6	Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	Huyện Hồng Dân	Bố trí đất và kinh phí xây dựng mới
7	Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	Huyện Vĩnh Lợi	Bố trí đất và kinh phí xây dựng mới
8	Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	Thành phố Bạc Liêu	Bố trí đất và kinh phí xây dựng mới
9	Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông thuộc PC07	Thành phố Bạc Liêu	Bố trí đất và kinh phí xây dựng mới
10	Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực Giá Rai - Đông Hải	Thị xã Giá Rai	Bố trí kinh phí xây dựng mới

**Ghi chú:** Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

**Phụ lục XIX**  
**DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CƠ SỞ Y TẾ**  
**TỈNH BẠC LIÊU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-TTg*  
*ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Danh mục	Địa điểm	Quy mô dự kiến (giường bệnh)	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Cơ sở y tế công lập</b>			
<b>I</b>	<b>Tuyến tỉnh</b>			
1	Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu	1.000	Đầu tư nâng cấp
2	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Thành phố Bạc Liêu	100	Đầu tư nâng cấp
3	Bệnh viện chuyên khoa tâm thần	Thành phố Bạc Liêu	80	Đầu tư nâng cấp
<b>II</b>	<b>Tuyến huyện</b>			
1	Trung tâm y tế	Thị xã Giá Rai	300	Đầu tư nâng cấp
2	Trung tâm y tế	Huyện Đông Hải	150	Xây dựng mới Trung tâm, di dời đến vị trí mới thuộc xã Điền Hải, huyện Đông Hải với nhu cầu diện tích đất cấp mới 20.000 m <sup>2</sup>
3	Trung tâm y tế	Huyện Phước Long	250	Đầu tư nâng cấp
4	Trung tâm y tế	Huyện Hồng Dân	140	Đầu tư nâng cấp
5	Trung tâm y tế	Huyện Hòa Bình	130	Mở rộng Trung tâm tại vị trí cũ với nhu cầu diện tích đất cấp mới tăng thêm 5.000 m <sup>2</sup>

TT	Danh mục	Địa điểm	Quy mô dự kiến (giường bệnh)	Ghi chú
6	Trung tâm y tế	Huyện Vĩnh Lợi	100	Đầu tư nâng cấp
7	Trung tâm y tế	Thành phố Bạc Liêu	100	Mở rộng Trung tâm tại vị trí cũ với nhu cầu diện tích đất cấp mới tăng thêm 3.000 m <sup>2</sup>
<b>B</b>	<b>Cơ sở y tế công lập ngoài ngành</b>			
1	Bệnh viện Quân Dân y	Thành phố Bạc Liêu	130	Đầu tư nâng cấp
2	Bệnh xá Công an	Thành phố Bạc Liêu	50	Đầu tư nâng cấp
<b>C</b>	<b>Cơ sở y tế ngoài công lập</b>			
1	Bệnh viện Đa khoa Thanh Vũ Medic	Thành phố Bạc Liêu	80	Đầu tư nâng cấp
2	Bệnh viện Đa khoa Thanh Vũ Medic Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu	300	Đầu tư nâng cấp
3	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Thành phố Bạc Liêu	100	Xây mới (XHH) tại vị trí phường 5, thành phố Bạc Liêu với diện tích 18.400 m <sup>2</sup>
4	Bệnh viện Sản Nhi	Thành phố Bạc Liêu	350	Xây mới (XHH) tại vị trí phường 1, thành phố Bạc Liêu với diện tích 39.000 m <sup>2</sup>
5	Bệnh viện Đa khoa kết hợp nghỉ dưỡng	Thành phố Bạc Liêu	500	Xây mới (XHH) tại phường Nhà Mát, quy mô 51 ha

**Ghi chú:** Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Các dự án, công trình y tế khác ngoài danh mục trên căn cứ vào quy hoạch chuyên ngành của địa phương.

**Phụ lục XX**  
**DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO,**  
**CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TỈNH BẠC LIÊU**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-TTg*  
*ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên cơ sở	Địa điểm	Quy mô (ha, m <sup>2</sup> )
<b>A</b>	<b>Trường Trung học</b>		
<b>I</b>	<b>Cải tạo, nâng cấp</b>		
1	Trung học phổ thông Hiệp Thành	Thành phố Bạc Liêu	Cơ sở 1 (14.783 m <sup>2</sup> ); cơ sở 2 (4.677 m <sup>2</sup> )
2	Trung học phổ thông Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu	19.896 m <sup>2</sup>
3	Trung học phổ thông Chuyên Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu	Cơ sở 1 (10.062 m <sup>2</sup> ); cơ sở 2 (7.939 m <sup>2</sup> )
4	Trung học phổ thông Phan Ngọc Hiển	Thành phố Bạc Liêu	5.969 m <sup>2</sup>
5	Trung học phổ thông Ngạn Dừa	Huyện Hồng Dân	16.290 m <sup>2</sup>
6	Trung học phổ thông Ninh Quới	Huyện Hồng Dân	16.223 m <sup>2</sup>
7	Trung học phổ thông Ninh Thạnh Lợi	Huyện Hồng Dân	13.650 m <sup>2</sup>
8	Trung học phổ thông Trần Văn Bảy	Huyện Phước Long	8.873 m <sup>2</sup>
9	Trung học phổ thông Võ Văn Kiệt	Huyện Phước Long	19.802 m <sup>2</sup>
10	Trung học phổ thông Lê Văn Đẩu	Huyện Vĩnh Lợi	20.891 m <sup>2</sup>
11	Trung học phổ thông Vĩnh Hưng	Huyện Vĩnh Lợi	12.000 m <sup>2</sup>
12	Trung học phổ thông Giá Rai	Thị xã Giá Rai	12.338 m <sup>2</sup>
13	Trung học phổ thông Nguyễn Trung Trực	Thị xã	14.966 m <sup>2</sup>



TT	Tên cơ sở	Địa điểm	Quy mô (ha, m <sup>2</sup> )
		Giá Rai	
14	Trung học phổ thông Tân Phong	Thị xã Giá Rai	10.853 m <sup>2</sup>
15	Trung học phổ thông Định Thành	Huyện Đông Hải	10.632 m <sup>2</sup>
16	Trung học phổ thông Điền Hải	Huyện Đông Hải	18.833 m <sup>2</sup>
17	Trung học phổ thông Gành Hào	Huyện Đông Hải	11.621 m <sup>2</sup>
18	Trung học phổ thông Lê Thị Riêng	Huyện Hòa Bình	12.405 m <sup>2</sup>
19	Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Trần Văn Lắm	Huyện Hòa Bình	17.267 m <sup>2</sup>
20	Trường phổ thông Dân tộc nội trú Bạc Liêu	Huyện Hòa Bình	16.325 m <sup>2</sup>
<b>II</b>	<b>Xây dựng mới</b>		
1	Trường trung học phổ thông tư thục Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu	Xây mới 10.000 m <sup>2</sup>
<b>B</b>	<b>Trường Đại học Bạc Liêu</b>		
1	Nâng cấp cơ sở 1, duy trì cơ sở 2	Thành phố Bạc Liêu	Duy trì 5 ha
2	Khu nghiên cứu nông nghiệp thích nghi biến đổi khí hậu	Thành phố Bạc Liêu	Quy hoạch 2 ha
<b>C</b>	<b>Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp</b>		
<b>I</b>	<b>Cải tạo, nâng cấp</b>		
1	Trường Cao đẳng Y tế Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu	Mở rộng đạt 2 ha
2	Sáp nhập 2 trường ( <i>Trường cao đẳng nghề Bạc Liêu và Trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật Bạc Liêu</i> )	Thành phố Bạc Liêu	Duy trì 11,5 ha
3	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Hòa Bình	Huyện Hòa Bình	Duy trì 2.448 m <sup>2</sup>
4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Phước Long	Huyện Phước Long	Duy trì 8.988 m <sup>2</sup>
5	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Hồng Dân	Huyện Hồng Dân	Duy trì 4.711 m <sup>2</sup>
6	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Đông Hải	Huyện Đông Hải	Duy trì 7.479 m <sup>2</sup>

TT	Tên cơ sở	Địa điểm	Quy mô (ha, m <sup>2</sup> )
7	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Giá Rai	Thị xã Giá Rai	Duy trì 10.727 m <sup>2</sup>
<b>II</b>	<b>Xây dựng mới</b>		
1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Vĩnh Lợi	Huyện Vĩnh Lợi	Xây mới 1.000 m <sup>2</sup>
2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên hướng nghiệp tỉnh	Thành phố Bạc Liêu	Xây mới 3.793 m <sup>2</sup>
<b>D</b>	<b>Cơ sở an sinh xã hội</b>		
1	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu	Xây mới 1,0 ha
2	Cơ sở giáo dục dành cho người khuyết tật tỉnh	Huyện Vĩnh Lợi	Xây mới 1,0 ha

**Ghi chú:**

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt quy hoạch, quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật. Các dự án, công trình giáo dục - đào tạo khác ngoài danh mục trên căn cứ vào quy hoạch chuyên ngành của địa phương.

- Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bạc Liêu phải phù hợp với Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các quy hoạch, kế hoạch có liên quan và nhu cầu thực tế của địa phương.

**Phụ lục XXI**  
**DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO**  
**TỈNH BẠC LIÊU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-TTg  
ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Địa điểm
<b>A</b>	<b>Nâng cấp, tu bổ các di tích cấp quốc gia</b>	
1	Di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Căn cứ Cái Chanh	Huyện Hồng Dân
2	Di tích khảo cổ Quốc gia đặc biệt Tháp Vĩnh Hưng	Huyện Vĩnh Lợi
3	Di tích lịch sử Quốc gia Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh	Huyện Vĩnh Lợi
4	Di tích lịch sử Quốc gia Khu lưu niệm Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam bộ và nhạc sỹ Cao Văn Lầu	Thành phố Bạc Liêu
5	Di tích lịch sử Quốc gia Địa điểm Trận Giồng Bôm (1946)	Thị xã Giá Rai
<b>B</b>	<b>Thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh</b>	
<b>I</b>	<b>Nâng cấp</b>	
1	Nâng cấp Nhà hát Cao Văn Lầu	Thành phố Bạc Liêu
<b>II</b>	<b>Quy hoạch và xây dựng mới</b>	
1	Quy hoạch khu bảo tồn di tích khảo cổ Tháp Vĩnh Hưng	Huyện Vĩnh Lợi
2	Xây mới Trung tâm Văn hóa tỉnh Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu
3	Xây mới Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao tỉnh Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu
4	Xây mới hồ bơi đạt chuẩn tổ chức các giải thi đấu cấp quốc gia	Thành phố Bạc Liêu

**Ghi chú:** Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Các dự án, công trình văn hóa khác ngoài danh mục trên căn cứ vào quy hoạch chuyên ngành của địa phương.



**Phụ lục XXII**  
**DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CHỢ ĐẦU MỐI, TRUNG TÂM**  
**THƯƠNG MẠI, TRUNG TÂM LOGISTICS TỈNH BẠC LIÊU**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-TTg  
ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Quy mô dự kiến (ha)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Chợ</b>			
1	Chợ Bạc Liêu 3	Thành phố Bạc Liêu	Hạng I	Nâng cấp, cải tạo
2	Chợ đầu mối thủy sản Nhà Mát	Thành phố Bạc Liêu	Hạng I	Xây dựng mới
3	Chợ đầu mối thủy sản Hộ Phòng	Thị xã Giá Rai	Hạng I	Xây dựng mới
4	Chợ đầu mối thủy sản Chủ Chí	Huyện Phước Long	Hạng I	Xây dựng mới
5	Chợ đầu mối thủy sản Gành Hào	Huyện Đông Hải	Hạng I	Xây dựng mới
<b>II</b>	<b>Trung tâm thương mại</b>			
1	Trung tâm thương mại, hội chợ triển lãm thành phố Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu	Hạng II	Xây dựng mới
<b>III</b>	<b>Trung tâm logistics</b>			
1	Trung tâm logistics Giá Rai	Thị xã Giá Rai	Cấp tỉnh	Xây dựng mới

**Ghi chú:**

- Tên, quy mô, phân hạng và phạm vi ranh giới các chợ, trung tâm thương mại, trung tâm logistics sẽ được xác định trong quá trình lập dự án đầu tư.

- Quy mô các dự án nêu trên có thể điều chỉnh để bảo đảm nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ngoài dự kiến các dự án nêu trên, xem xét theo nhu cầu thực tế, điều chỉnh, phát triển thêm các chợ, trung tâm thương mại, trung tâm logistics phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.



**Phụ lục XXIII**  
**CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH BẠC LIÊU**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-TTg  
ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)			Ghi chú
			Hiện trạng năm 2020	Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ đến năm 2030*	Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 theo đề nghị của Tỉnh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>I</b>	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>		<b>266.788</b>	<b>266.788</b>	<b>266.788</b>	
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>223.180</b>	<b>223.117</b>	<b>222.361</b>	
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	81.859	84.685	84.685	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>59.119</i>	<i>62.919</i>	<i>58.510</i>	
1.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	3.656	3.947	5.383	
1.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	126	259	278	
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX		55	26	
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>				
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>27.904</b>	<b>35.893</b>	<b>36.650</b>	
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.041	1.146	1.146	
2.2	Đất an ninh**	CAN	118	275	275	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	60	160	917	
2.4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	15.103	20.593	20.593	
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất giao thông	DGT	3.927	4.827	4.827	
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	31	48	48	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	59	62	62	
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	259	515	515	
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	20	108	108	
-	Đất công trình năng lượng	DNL	4.076	8.180	8.180	
-	Đất công trình bưu chính,	DBV	4	5	5	

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)			Ghi chú
			Hiện trạng năm 2020	Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ đến năm 2030*	Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 theo đề nghị của Tỉnh	
	viễn thông					
2.5	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG				
2.6	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	10	35	35	
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	33	55	55	
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>15.704</b>	<b>7.778</b>	<b>6.352</b>	
<b>II</b>	<b>Khu chức năng</b>					
1	Đất khu công nghệ cao				419	
2	Đất khu kinh tế					
3	Đất đô thị	KDT	26.204	50.145	50.145	


**Ghi chú:**

\*Theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025.

\*\*Diện tích đất an ninh đến năm 2030 thực hiện theo Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; trong quá trình triển khai thực hiện, chỉ tiêu đất quốc phòng, đất an ninh được điều chỉnh phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh.

- Diện tích khu chức năng không tính vào diện tích tự nhiên; diện tích đất nông nghiệp còn bao gồm đất trồng cây hàng năm khác, đất nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác; diện tích đất phi nông nghiệp còn lại bao gồm các loại đất như: Đất sông ngòi, kênh, rạch; đất có mặt nước chuyên dùng,... Trong quá trình thực hiện Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu chủ động điều chỉnh các chỉ tiêu giữa các địa phương để phù hợp với nhu cầu sử dụng. Tên, quy mô diện tích và phạm vi ranh giới các hạng mục công trình dự án sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

- Đối với các công trình, dự án nằm trong chỉ tiêu sử dụng đất theo từng loại đất nhưng do quy mô diện tích nhỏ chưa được thể hiện cụ thể trong báo cáo thuyết minh tổng hợp và bản đồ phương án sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 thì được thể hiện chi tiết trong quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.


**Phụ lục XXIV**  
**ĐÌNH HƯỚNG PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG**  
**TỈNH BẠC LIÊU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-TTg*  
*ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên vùng/tiểu vùng
<b>I</b>	<b>Vùng bảo vệ nghiêm ngặt</b>
1	Khu dân cư tập trung ở đô thị bao gồm: Nội thành, nội thị của các đô thị đặc biệt, loại I, loại II, loại III theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị, theo phân loại đô thị đến năm 2030 tỉnh Bạc Liêu có 02 đô thị nằm trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt gồm 01 đô thị loại I (thành phố Bạc Liêu) và 01 đô thị loại III (thành phố Giá Rai). Sau năm 2030 tỉnh Bạc Liêu có 04 đô thị nằm trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt gồm: 01 đô thị loại I (thành phố Bạc Liêu), 01 đô thị loại II (thành phố Giá Rai) và 02 đô thị loại III (thị xã Phước Long và thị xã Đông Hải)
2	Nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước: Nước mặt (nước từ sông Hậu chuyển vào qua kênh trục Quản Lộ Phụng Hiệp và hệ thống kênh Sóc Trăng, Hậu Giang, nước trữ trên hệ thống kênh mương, ao hồ)
3	Khu bảo tồn thiên nhiên Vườn chim Bạc Liêu (phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu) có diện tích 125,8 ha, độ che phủ rừng đạt 81,92 % diện tích vùng lõi
4	Khu bảo tồn thiên nhiên Áp Canh Điền diện tích 152,2 ha (xã Long Điền Tây, huyện Đông Hải)
5	Khu bảo tồn loài sinh cảnh Vườn chim Áp Lập Điền có diện tích khoảng 21 ha thuộc sự quản lý của tư nhân phân bố tại huyện Đông Hải, huyện Phước Long và thị xã Giá Rai
6	Khu dự trữ thiên nhiên cấp tỉnh là khu vực rừng ngập mặn ven biển, có tổng diện tích 4.278 ha (trong đó 2.300 ha rừng mới trồng)
7	Khu bảo tồn nguồn lợi thủy sản ven biển (cua, nghêu, sò)
<b>II</b>	<b>Vùng hạn chế phát thải</b>
1	Vùng đệm của các khu dân cư tập trung ở các đô thị loại I, II, III
2	Khu bảo vệ cảnh quan Giồng Nhãn cổ Bạc Liêu kết hợp mô hình du lịch trải nghiệm nhà dân (diện tích khoảng 29.130 m <sup>2</sup> )
3	Hệ thống khu di tích trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu: - Gồm 51 di tích văn hóa, lịch sử được xếp hạng, trong đó có: 01 di tích cấp quốc gia đặc biệt (Khu căn cứ Cái Chanh), 12 di tích cấp quốc gia và 38 di tích cấp tỉnh. - 01 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, 05 bảo vật quốc gia, 21 ngôi nhà cổ, 05 công trình thờ tự của các dòng họ, 08 kiến trúc mộ cổ, 149 công trình xây dựng như Đền thờ Bác Hồ, Tháp cổ Vĩnh Hưng - Di tích văn hóa Óc-Eo, chùa Xiêm Cán, Chùa Cù Lao của người Khmer, chùa Ông, chùa Bà của

TT	Tên vùng/tiểu vùng
	người Hoa, khu Phật Bà Đông Hải
4	Các khu du lịch như: Vườn nhãn Bạc Liêu; khu du lịch Nhà Mát - Quán âm Phật Đài; khu nhà công tử Bạc Liêu; khu lưu niệm nghệ thuật đờn ca tài tử Nam Bộ và nhạc sĩ Cao Văn Lầu; Khu du lịch sinh thái Hồ Nam; Lăng cá Ông Gành Hào (Lăng Ông Nam Hải); khu Quảng trường Hùng Vương; khu du lịch Tắc Sậy; cánh đồng điện gió Bạc Liêu
5	Các khu vực làng nghề truyền thống kết hợp phục vụ tham quan du lịch: Nghề Rèn Ngan Dừa, 06 làng nghề sản xuất muối, 02 làng nghề đan lát, 01 làng nghề mộc, 01 làng nghề dệt chiếu
6	Các khu vực rừng ngập mặn trên địa bàn tỉnh: Chủ yếu phân bố ở ven biển từ thành phố Bạc Liêu đến huyện Đông Hải
7	Khu vực dự kiến khai thác khoáng sản gồm: Đất sét chủ yếu tập trung trên địa bàn thị xã Giá Rai, huyện Vĩnh Lợi, huyện Phước Long, huyện Hòa Bình và cát biển tích tụ ven bờ vùng biển Bạc Liêu
8	Khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh: 04 khu công nghiệp (Trà Kha, Láng Trâm, Ninh Quới, Bạc Liêu); 11 cụm công nghiệp (Vĩnh Mỹ, Chủ Chí, Vĩnh Lợi, Hồng Dân, Chủ Chí 2, Châu Hưng A, Tân Thạnh, Phong Thạnh Tây, Hòa Bình, Đông Hải, Ninh Quới A)
9	Khu dân cư tập trung nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị: Đến năm 2030 những khu vực nội thành nội thị nằm trong vùng hạn chế phát thải gồm: 05 đô thị loại IV (gồm các thị trấn: Hòa Bình, Châu Hưng, Ngan Dừa, Phước Long và Gành Hào) và 10 đô thị loại V (gồm các đô thị: Phó Sinh (xã Phước Long), Chủ chí (xã Phong Thạnh Tây B), Vĩnh Hưng, Ninh Quới A, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Mỹ B, Hưng Thành, Ba Đình, Điền Hải, Định Thành). Sau năm 2030 theo mức độ đô thị hóa đạt được trong kỳ quy hoạch để xây dựng đề án sắp xếp, điều chỉnh các đơn vị hành chính cấp huyện, phân loại và phân cấp quản lý đô thị cho phù hợp
<b>III</b>	<b>Vùng bảo vệ khác</b>
	Đây là các vùng còn lại trên địa bàn quản lý

**Ghi chú:** Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu có trách nhiệm ban hành quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.



**Phụ lục XXV**  
**DANH MỤC CÁC KHU VỰC THẨM DÒ, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**  
**TỈNH BẠC LIÊU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-TTg  
ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Loại khoáng sản	Tổng số các khu vực quy hoạch	Tổng diện tích (ha)	Tổng trữ lượng tài nguyên dự báo (1.000 m <sup>3</sup> )
<b>I</b>	<b>Mỏ sét</b>			<b>19.935</b>
1	Ấp B2, Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi	4	200	3.780
2	Ấp Trà Ban 1, Châu Hưng A, huyện Vĩnh Lợi	6	200	2.900
3	Ấp Thông Lưu A, Châu Hưng A, huyện Vĩnh Lợi	4	150	2.460
4	Ấp Cù Lao - Cái Giá, Hưng Hội, huyện Vĩnh Lợi	5	150	2.490
5	Ấp Sóc Đồn, Hưng Hội, huyện Vĩnh Lợi	4	100	1.550
6	Ấp Mỹ Tường 1, Hưng Phú, huyện Phước Long	5	150	1.710
7	Ấp Huê 3, Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long	5	150	2.235
8	Vĩnh Mỹ B, huyện Hòa Bình	5	100	1.490
9	Ấp 2 Tân Phong, thị xã Giá Rai	4	100	1.320
<b>II</b>	<b>Cát biển san lấp</b>			<b>6.094</b>
1	Khối A (khu A) phường Nhà Mát thành phố Bạc Liêu - xã Vĩnh Hậu A, huyện Hòa Bình	1	614	2.717
2	Khối B (khu B), xã Vĩnh Hậu, Vĩnh Thịnh, huyện Hòa Bình	1	250	968
3	Khối C (Khu C), xã Long Điền Đông, Long Điền Tây, huyện Đông Hải	1	477	2.410

**Ghi chú:** Trong quá trình thực hiện quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu rà soát, xác định và điều chỉnh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh số lượng, ranh giới, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng (nếu cần) bảo đảm phù hợp với thực tiễn của địa phương và các quy định pháp luật hiện hành.

**Phụ lục XXVI**  
**DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN CỦA**  
**TỈNH BẠC LIÊU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-TTg*  
*ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng
<b>A</b>	<b>GIAO THÔNG</b>	
1	Nâng cấp, mở rộng ĐT.979 (đoạn Phước Long - Vĩnh Lộc A)	Huyện Phước Long, huyện Hồng Dân
2	Nâng cấp ĐT.980 (đoạn Giá Rai - Phó Sinh - Cảnh Đền)	Thị xã Giá Rai, huyện Phước Long, huyện Hồng Dân
3	Nâng cấp ĐT.978	Các huyện: Vĩnh Lợi, Hòa Bình, Phước Long, Hồng Dân
4	Xây dựng mới ĐT.977C (đường nối tiếp cao tốc Rạch Giá - thành phố Bạc Liêu đến đê biển)	Thành phố Bạc Liêu, huyện Hòa Bình
5	Nâng cấp ĐT.976 và ĐT.976B	Thành phố Bạc Liêu, huyện Vĩnh Lợi
6	Nâng cấp ĐT.981 và ĐT.982B	Thị xã Giá Rai
7	Nâng cấp ĐT.982	Thị xã Giá Rai, huyện Đông Hải
8	Xây dựng mới đường Vành đai ngoài thành phố Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu
9	Xây mới tuyến đường song hành phía Đông quốc lộ 1	Huyện Vĩnh Lợi, thành phố Bạc Liêu
10	Đường ven biển đoạn đi qua tỉnh Bạc Liêu và đoạn nhánh kết nối đường Nam sông Hậu	Thành phố Bạc Liêu, huyện Hòa Bình, huyện Đông Hải
<b>B</b>	<b>ĐIỆN LỰC</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án nguồn điện (không kể dự án điện khí đã xác định trong Quy hoạch điện VIII)</b>	
1	Nhà máy Điện gió Hòa Bình 3	Huyện Hòa Bình
2	Nhà máy Điện gió Hòa Bình 2-1	Huyện Hòa Bình
3	Nhà máy Điện gió Hòa Bình 4	Huyện Hòa Bình
4	Nhà máy Điện gió Hòa Bình 6	Huyện Hòa Bình
5	Nhà máy Điện gió Hòa Bình 8	Huyện Hòa Bình
6	Nhà máy Điện gió Hoà Bình 5.1	Huyện Hòa Bình
7	Nhà máy điện gió Đông Hải 1 - giai đoạn 3	Huyện Đông Hải

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm xây dựng</b>
8	Nhà máy điện gió Đông Hải 13	Huyện Đông Hải
9	Nhà máy điện gió Đông Hải 3 - giai đoạn 1	Huyện Đông Hải
10	Nhà máy Điện gió Đông Hải 6	Huyện Đông Hải
11	Nhà máy điện sinh khối, áp Trà Ban 1	Huyện Vĩnh Lợi
<b>II</b>	<b>Dự án lưới điện 110 KV</b>	
1	Đường dây 110kV Bạc Liêu 2 - Vĩnh Châu	Thành phố Bạc Liêu
2	Nâng khả năng tải đường dây 110kV Bạc Liêu 2 - Thạnh Trị - Sóc Trăng (Nâng khả năng tải đường dây 110kV Bạc Liêu 2 - Vĩnh Trạch Đông - Thạnh Trị - Sóc Trăng (AC185) thành dây phân pha AC-2x185)	Thành phố Bạc Liêu, huyện Vĩnh Lợi
3	Đường dây đấu nối trạm 110 kV Hiệp Thành	Thành phố Bạc Liêu
4	Đường dây đấu nối trạm 110 kV Ngan Dừa	Huyện Hồng Dân
5	Cải tạo đường dây 110kV	Thành phố Bạc Liêu, thị xã Giá Rai, huyện Vĩnh Lợi
6	Cải tạo đường dây 110kV Hồng Dân - An Xuyên (Cà Mau)	Huyện Hồng Dân, huyện Phước Long
7	Trạm 110kV Láng Trâm	Thị xã Giá Rai
8	Trạm 110kV Hiệp Thành	Thành phố Bạc Liêu
9	Trạm 110kV Ngan Dừa	Huyện Hồng Dân
10	Trạm 110kV Vĩnh Mỹ	Huyện Hòa Bình
<b>C</b>	<b>CẤP NƯỚC SẠCH</b>	
1	Mở rộng nhà máy nước số 1	Thành phố Bạc Liêu
2	Mở rộng nhà máy nước số 2	Thành phố Bạc Liêu
3	Mở rộng nhà máy nước Phước Long	Huyện Phước Long
4	Xây dựng mới nhà máy nước Phó Sinh	Huyện Phước Long
5	Nhà máy nước Hòa Bình (mở rộng)	Huyện Hòa Bình
6	Xây dựng mới nhà máy nước Giá Rai	Thị xã Giá Rai
7	Mở rộng nhà máy nước Gành Hào	Huyện Đông Hải
8	Xây dựng mới tuyến ống dẫn nước từ nhà máy cấp nước sông Hậu 1 về thành phố Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu
9	Xây dựng mới tuyến ống dẫn nước từ nhà máy cấp nước sông Hậu 1 về huyện Phước Long	Huyện Phước Long
10	Xây dựng mới tuyến ống dẫn nước từ nhà máy cấp nước sông Hậu 1 về huyện Hồng Dân	Huyện Hồng Dân
<b>D</b>	<b>CÔNG NGHIỆP</b>	
1	Dự án hạ tầng khu công nghiệp Láng Trâm	Thị xã Giá Rai
2	Dự án hạ tầng khu công nghiệp Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm xây dựng</b>
3	Dự án hạ tầng cụm công nghiệp Vĩnh Mỹ	Huyện Hòa Bình
4	Dự án hạ tầng cụm công nghiệp Vĩnh Lợi	Huyện Vĩnh Lợi
5	Dự án hạ tầng cụm công nghiệp Chủ Chí	Huyện Phước Long
6	Dự án hạ tầng cụm công nghiệp Đông Hải	Huyện Đông Hải
7	Dự án phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi và thủy sản của vùng đồng bằng sông Cửu Long	Huyện Hồng Dân
<b>Đ</b>	<b>PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU</b>	
<b>I</b>	<b>Kè chống xói lở bờ biển</b>	
1	Chống xói lở bờ biển Gành Hào, thị trấn Gành Hào	Huyện Đông Hải
<b>II</b>	<b>Chống sạt lở bờ sông</b>	
1	Kè chống sạt lở bờ sông Gành Hào (đoạn giữa G4 và G5)	Huyện Đông Hải
2	Kè chống sạt lở bờ sông Gành Hào (đoạn G6)	Huyện Đông Hải
3	Kè bờ sông, kênh trên địa bàn thành phố Bạc Liêu (Phường 2,8, Nhà Mát)	Thành phố Bạc Liêu
4	Kè sông, kênh trên địa bàn thị xã Giá Rai	Thị xã Giá Rai
5	Kè chống ngập dọc tuyến quốc lộ 1 qua địa bàn tỉnh Bạc Liêu	Thị xã Giá Rai, huyện Hoà Bình
<b>III</b>	<b>Trồng rừng phòng hộ</b>	
1	Dự án gây bồi, triệt sóng, trồng rừng phòng hộ ven biển tỉnh Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu, huyện Hòa Bình, huyện Đông Hải
<b>IV</b>	<b>Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão</b>	
1	Dự án xây dựng khu neo đậu tránh trú bão Gành Hào	Huyện Đông Hải
<b>V</b>	<b>Dự án thích ứng biến đổi khí hậu</b>	
1	Dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và chuyển đổi sinh kế tỉnh Bạc Liêu (WB)	Toàn tỉnh
2	Đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng sinh thái, nâng cao sinh kế, thích ứng biến đổi khí hậu	Thành phố Bạc Liêu, huyện Đông Hải, huyện Hòa Bình
3	Dự án cải thiện hệ thống thủy lợi các tỉnh ven biển đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu vay vốn ODA Nhật Bản	Huyện Đông Hải
<b>E</b>	<b>HẠ TẦNG THỦY LỢI</b>	
1	Âu thuyền Hộ Phòng	Thị xã Giá Rai
2	Âu thuyền Vàm Léo	Huyện Vĩnh Lợi

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm xây dựng</b>
3	Dự án đầu tư xây dựng mới cống Cái Tràm, Cầu Số 3, Chệt Niêu, Xóm Lung, Ấp Dôn, Cả Vĩnh, Nước Mặn	Thành phố Bạc Liêu, huyện Vĩnh Lợi, huyện Hòa Bình
4	Xây dựng công trình cống Xẻo Chích	Ranh hai tỉnh Bạc Liêu và Hậu Giang
5	Xây dựng cống Gành Hào	Ranh giữa huyện Đông Hải tỉnh Bạc Liêu và huyện Đầm Dơi tỉnh Cà Mau
6	Nâng cấp mở rộng trục kênh cấp nước từ Sóc Trăng - Bạc Liêu	Khu vực giữa tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Bạc Liêu
7	Xây dựng hệ thống cống phía Bắc kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	Huyện Phước Long
8	Xây dựng hệ thống trạm bơm điện liên huyện (456 trạm)	Các huyện, thị xã, thành phố
9	Xây dựng hạ tầng thủy lợi phục vụ 85 ha sản xuất giống thủy sản	Huyện Hoà Bình, huyện Đông Hải
10	Nâng cấp hạ tầng thủy lợi phục vụ khu vực nuôi tôm tập trung siêu thâm canh, thâm canh (khoảng 10.000 ha)	Huyện Hoà Bình, huyện Đông Hải
<b>G</b>	<b>HẠ TẦNG ĐÔ THỊ</b>	
1	Dự án tổng hợp phát triển đô thị thích ứng biến đổi khí hậu, nước biển dâng Gành Hào, Diên Hải	Huyện Đông Hải
2	Dự án chỉnh trang đô thị dọc sông Bạc Liêu - Cà Mau	Thành phố Bạc Liêu
3	Khu công viên cây xanh, thể dục thể thao Vĩnh Trạch Đông	Thành phố Bạc Liêu
4	Khu đô thị khóm 1	Thị xã Giá Rai
5	Khu đô thị mới Phía Đông đường Võ Văn Kiệt, Phường 1	Thành phố Bạc Liêu
6	Khu đô thị mới phía Nam đường Nguyễn Thị Minh Khai, quy mô 400 ha, Phường 5	Thành phố Bạc Liêu
7	Khu Văn hóa - Thể thao - Giáo dục và Đô thị sinh thái phía Tây Nam thành phố Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu
8	Khu đô thị du lịch sinh thái và phát triển hỗn hợp tại phường Nhà Mát và xã Hiệp Thành (phía Đông đường Bạch Đằng)	Thành phố Bạc Liêu
9	Dự án khu đô thị mới 205ha, phường 5 và phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu
10	Khu nhà ở xã hội tập trung phía Bắc đường 23 tháng 8, phường 7	Thành phố Bạc Liêu

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm xây dựng</b>
11	Khu đô thị mới Phước Long	Huyện Phước Long
12	Khu đô thị mới phía Đông đường Vành đai trong	Thành phố Bạc Liêu
13	Nhà ở cho người thu nhập thấp	Huyện Hòa Bình, huyện Phước Long
14	Dự án khu dân cư Hòa Bình 1	Huyện Hòa Bình
15	Hệ thống cống, mương dẫn thoát nước mưa đô thị	Thành phố Bạc Liêu, thị xã Giá Rai, thị trấn Gành Hào, thị trấn Phước Long
<b>H</b>	<b>HẠ TẦNG VIỄN THÔNG, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b>	
1	Phát triển hạ tầng mạng 5G	Các huyện, thị xã, thành phố
2	Phát triển hạ tầng số	Thành phố Bạc Liêu
3	Phát triển Trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC)	Thành phố Bạc Liêu
4	Xây dựng hạ tầng đô thị thông minh tỉnh Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu
5	Xây dựng hạ tầng chính quyền số	Các huyện, thị xã, thành phố
<b>I</b>	<b>HẠ TẦNG XÃ HỘI</b>	
<b>I</b>	<b>Hạ tầng y tế</b>	
1	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu
2	Nâng cấp Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Thành phố Bạc Liêu
3	Nâng cấp Bệnh viện chuyên khoa Tâm thần	Thành phố Bạc Liêu
<b>II</b>	<b>Hạ tầng giáo dục, đào tạo</b>	
1	Nâng cấp, mở rộng Trường Đại học Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu
2	Nâng cấp, mở rộng Trường Cao đẳng nghề Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu
3	Xây dựng mới Trường dành cho người khuyết tật	Huyện Vĩnh Lợi
4	Xây dựng mới Trường phổ thông trung học Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu
5	Xây dựng mới Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Vĩnh Lợi	Huyện Vĩnh Lợi
<b>III</b>	<b>Hạ tầng an sinh xã hội</b>	
1	Nâng cấp Trại cai nghiện ma túy	Thành phố Bạc Liêu
<b>IV</b>	<b>Hạ tầng văn hóa, thể thao</b>	
1	Nâng cấp Nhà hát Cao Văn Lầu	Thành phố Bạc Liêu
2	Nâng cấp Di tích khảo cổ Tháp Vĩnh Hưng	Huyện Vĩnh Lợi
3	Xây mới Trung tâm văn hóa tỉnh	Thành phố Bạc Liêu

<b>TT</b>	<b>Tên dự án</b>	<b>Địa điểm xây dựng</b>
4	Xây mới hồ bơi đạt chuẩn tổ chức các giải cấp quốc gia	Thành phố Bạc Liêu
<b>K</b>	<b>HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI</b>	
1	Nâng cấp, cải tạo chợ Bạc Liêu 3	Thành phố Bạc Liêu
2	Xây mới Chợ đầu mối thủy sản Nhà Mát	Thành phố Bạc Liêu
3	Xây mới Chợ đầu mối thủy sản Hộ Phòng	Thị xã Giá Rai
4	Xây mới Chợ đầu mối thủy sản Chủ Chí	Huyện Phước Long
5	Xây mới Chợ đầu mối thủy sản Gành Hào	Huyện Đông Hải
<b>L</b>	<b>DU LỊCH</b>	
1	Dự án khu du lịch Bạc Liêu - Nhà Mát	Thành phố Bạc Liêu, huyện Hòa Bình
2	Các dự án du lịch sinh thái kết hợp tham quan điện gió; du lịch kết hợp với nuôi trồng, khai thác thủy, hải sản; nghề làm muối; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ ven biển Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu, huyện Hòa Bình, huyện Đông Hải
3	Dự án đầu tư điểm du lịch sinh thái cửa biển Gành Hào, du lịch tâm linh khu Lăng Ông Nam Hải	Huyện Đông Hải
4	Dự án cầu dẫn bến tàu du lịch Bạc Liêu - Côn Đảo, khu cảnh quan nhân tạo trên biển Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu
5	Dự án khu du lịch sinh thái vườn chim Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu
6	Dự án khu du lịch văn hóa và resort nghỉ dưỡng	Thành phố Bạc Liêu
7	Dự án đầu tư xây dựng điểm du lịch, dịch vụ Tắc Sậy	Thị xã Giá Rai
8	Dự án đầu tư tuyến phố đi bộ đường Điện Biên Phủ gắn với mô hình văn hóa 03 dân tộc và nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ	Thành phố Bạc Liêu
9	Dự án khu du lịch sinh thái di tích khảo cổ Quốc gia đặc biệt Tháp Vĩnh Hưng	Huyện Vĩnh Lợi
<b>M</b>	<b>HẠ TẦNG BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG</b>	
1	Mở rộng khu xử lý chất thải rắn Châu Hưng, quy mô 23 ha	Huyện Vĩnh Lợi
2	Xây dựng mới nhà máy xử lý chất thải rắn khu vực Đông Hải - Giá Rai, quy mô 13 ha	Huyện Đông Hải
3	Xây dựng mới nhà máy xử lý chất thải rắn khu vực Hồng Dân - Phước Long, quy mô 20 ha	Huyện Hồng Dân
4	Đầu tư mới nhà máy xử lý nước thải số 1, số 2	Thành phố Bạc Liêu
5	Đầu tư mới nhà máy xử lý nước thải Hồng Dân	Huyện Hồng dân
6	Đầu tư mới nhà máy xử lý nước thải Phước Long	Huyện Phước Long

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng
7	Đầu tư mới nhà máy xử lý nước thải thị xã Giá Rai	Thị xã Giá Rai
8	Đầu tư mới nhà máy xử lý nước thải Vĩnh Lợi	Huyện Vĩnh Lợi
9	Đầu tư mới nhà máy xử lý nước thải Hòa Bình	Huyện Hòa Bình
10	Đầu tư mới nhà máy xử lý nước thải Đông Hải	Huyện Đông Hải
<b>N</b>	<b>QUỐC PHÒNG, AN NINH</b>	
1	Xây dựng các công trình quốc phòng	Thành phố Bạc Liêu
2	Xây dựng mới, nâng cấp các công trình đồn biên phòng, trạm kiểm soát biên phòng	Các huyện, thị xã, thành phố
3	Xây dựng trụ sở đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các huyện, thị xã, thành phố	Các huyện, thị xã, thành phố
4	Mở rộng mạng lưới cấp nước phục vụ phòng cháy - chữa cháy đô thị loại III trở lên	Thành phố Bạc Liêu, thị xã Giá Rai


**Ghi chú:**

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cam kết không hợp thức hóa các sai phạm và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư dự án tại Phụ lục này.

- Về tên, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

- Các dự án, công trình khác ngoài Danh mục nêu trên căn cứ vào các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành của địa phương,... và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.




**Phụ lục XXVII**  
**DANH MỤC VÀ TỶ LỆ SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH**  
**TỈNH BẠCH LIÊU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Kèm theo Quyết định số 1598/QĐ-TTg*  
*ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên sơ đồ, bản đồ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn	1:50.000
2	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng	1:50.000
<b>Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội</b>		
3	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (Mạng lưới cơ sở y tế; văn hóa và thể thao; giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp)	1:50.000
4	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (Du lịch, thương mại - dịch vụ; khoa học công nghệ; an sinh xã hội)	1:50.000
<b>Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật</b>		
5	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (Giao thông vận tải, cấp nước sạch; thoát nước mưa, thủy lợi)	1:50.000
6	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (Cấp điện và năng lượng; thông tin truyền thông và hạ tầng viễn thông thụ động)	1:50.000
7	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (Thoát nước thải; xử lý chất thải rắn và nghĩa trang)	1:50.000
8	Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất	1:50.000
9	Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên	1:50.000
10	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	1:50.000
11	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện	1:50.000